VIETNAM DAILY REVIEW

VN-Index ghi nhận nhịp hồi phục kỹ thuật trên nền thanh khoản thấp

Thứ Sáu, Ngày 27 Tháng 11 Năm 2026 · BSC Research

VN-INDEX	VN30	HNX-INDEX	UPCOM-INDEX
1,653.90	**1,753.53**	**228.11**	**118.22**
▲ +24.22 (+1.49%)	▲ +24.65 (+1.43%)	▲ +1.54 (+0.68%)	▼ -0.22 (-0.19%)
GTKL (TỶ): 9,263	GTKL (TỶ): 4,694	GTKL (TỶ): 539	GTKL (TỶ): 223
SO TB20: -19.4%	SO TB20: -22.8%	SO TB20: -19.4%	SO TB20: -41.0%
NN (TỶ): +562.6	NN (TỶ): +583.5	NN (TỶ): +62.7	NN (TỶ): -14.8

Nhận định thị trường

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tăng hơn 24 điểm (+1.49%) và đóng cửa tại 1,653.90 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 17/18 ngành tăng điểm; trong đó, ngành Dầu khí dẫn đầu đà tăng, theo sau là Hóa chất và Tiện ích. Ở chiều ngược lại, chỉ có duy nhất ngành Y tế giảm nhẹ 0.62%. Về giao dịch khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên HSX và HNX, bán ròng trên UPCoM. Về mặt kỹ thuật, diễn biến phiên mang tính chất của một nhịp hồi phục kỹ thuật khi chỉ số bật tăng trở lại vào bên trong dải dưới của Bollinger Bands (1,650.85 điểm) sau phiên giảm sâu trước đó. Do nhịp bật tăng trong phiên hôm nay chưa đi kèm với sự đồng thuận của thanh khoản, VN-Index nhiều khả năng sẽ cần thêm thời gian giằng co để hình thành vùng cân bằng mới quanh khu vực 1,640 – 1,660 điểm trước khi xác lập xu hướng rõ ràng hơn, khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL VN30 đều tăng theo chỉ số VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch 27/11/2026, các chứng quyền vận động theo xu hướng hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn

- VN-Index **+24.22** điểm, đóng cửa tại 1,653.90 điểm. HNX-Index **+1.54** điểm, đóng cửa tại 228.11 điểm. UPCoM-Index **-0.22** điểm, đóng cửa tại 118.22 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: VIC (**+8.10**), GAS (**+2.37**), BSR (**+1.70**), MBB (**+1.06**), GVR (**+1.03**).
- Kéo chỉ số giảm: PGV (**-0.16**), VNM (**-0.09**), SAB (**-0.07**), VCI (**-0.06**), NAB (**-0.04**).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 9,263 tỷ đồng, giảm 33.69% so với phiên trước và thấp hơn 19.4% so với trung bình 20 phiên. Tổng giá trị giao dịch đạt 11,343 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 23.6 điểm. Sàn HOSE có 200 mã tăng (6 mã trần), 99 mã tham chiếu, 83 mã giảm (7 mã sàn).
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: 562.61 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm FPT (**+181.89** tỷ), MBB (**+79.58** tỷ), BSR (**+55.50** tỷ), HPG (**+52.26** tỷ), VIC (**+44.22** tỷ). Đây là phiên mua ròng thứ 1 liên tiếp; luỹ kế từ đầu năm khối ngoại bán ròng **-132,585** tỷ đồng trên HOSE.
- Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **+62.71** tỷ đồng và bán ròng trên sàn UPCoM với giá trị **-14.81** tỷ đồng.

Giao dịch khối ngoại

CẢ 3 SÀN

TOP MUA	TỶ VND	TOP BÁN	TỶ VND
FPT	181.89	**GMD**	-149.43
MBB	79.58	**NLG**	-24.09
BSR	55.50	**GEX**	-23.85
HPG	52.26	**HDB**	-15.20
VIC	44.22	**VCB**	-14.59

HOSE luỹ kế năm: **-132,585** tỷ 1 phiên mua ròng liên tiếp

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

	ĐIỂM	%D	%W
SPX	7,183	-0.25%	-1.92%
FTSE100	10,609	+1.75%	+1.50%
Eurostoxx	6,015	+2.04%	-1.62%
Shanghai	3,606	+3.73%	+2.06%
Nikkei	58,711	+2.11%	-1.23%

Nguồn: Yahoo Finance, BSC tổng hợp

Liên thị trường

	GIÁ TRỊ	%D	%W
Giá dầu Brent	97.33	+0.79%	+5.14%
Giá vàng	3,673	+2.99%	+3.81%
USD/VND	25,836	+0.02%	+0.17%
EUR/VND	28,316	-0.07%	+0.02%
JPY/VND	162	-0.13%	-0.40%
VN LS TPCP 10Y	4.43%	0 bps	-2.5 bps
VN LS LNH 1M	6.37%	+70.0 bps	+91.7 bps

Nguồn: Bloomberg, BSC tổng hợp. Lãi suất: thay đổi theo điểm cơ bản.

Mở tài khoản tại BSC

Quét mã QR để mở tài khoản chứng khoán trực tuyến.

Mục lục

Tổng quan 1
Thống kê thị trường 2
Biểu đồ & dòng tiền 3
Danh mục BSC30 4
Danh mục BSC50 5
Báo cáo gần đây 6
Khuyến cáo sử dụng 7

Thống kê thị trường

Top 5 tác động tăng VN-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
VIC	235.00	+2.17%	+8.10	1.25
GAS	72.50	+6.62%	+2.37	1.55
BSR	24.10	+6.87%	+1.70	10.30
MBB	18.20	+2.82%	+1.06	21.25
GVR	27.70	+4.53%	+1.03	0.76

Top 5 tác động giảm VN-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
PGV	19.55	-3.22%	-0.16	0.05
VNM	52.50	-0.38%	-0.09	1.55
SAB	43.60	-0.57%	-0.07	0.81
VCI	18.20	–	-0.06	8.71
NAB	12.60	-0.79%	-0.04	11.72

Top 5 tác động tăng HNX-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
PVS	27.50	+10.00%	+0.93	5.41
KSF	65.80	+1.23%	+0.40	0.05
PVI	59.90	+3.81%	+0.32	0.00
IDC	35.10	+3.24%	+0.26	0.90
MBS	14.60	+0.69%	+0.06	2.25

Top 5 tác động giảm HNX-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
THD	54.30	-1.99%	-0.23	0.11
VIF	13.40	-3.60%	-0.09	0.02
SEB	36.10	-9.75%	-0.06	0.00
MVB	11.80	-7.81%	-0.05	0.00
CAR	121.40	-9.94%	-0.04	0.00

Top 5 tác động tăng VN30

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
MWG	68.80	+2.69%	+3.55	2.57
MSN	68.90	+1.32%	+1.26	2.38
BSR	24.10	+6.87%	+0.99	10.30
SHB	10.20	+0.99%	+0.28	27.68
STB	68.90	+29.11%	+0.26	1.53

Top 5 tác động giảm VN30

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
SSI	18.90	0.00%	0.00	18.58
CTG	29.50	+34.01%	+0.08	7.84
BID	29.35	+0.86%	+0.08	5.47
VPL	94.50	–	+0.12	0.34
VHM	59.10	+0.17%	+0.13	3.59

Top 5 tăng mạnh nhất HOSE

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
KLB	12.25	+6.99%	2.75
FUESSV50	26.20	+6.94%	0.00
HTN	7.27	+6.91%	0.41
TNC	37.25	+6.89%	0.00
BSR	24.10	+6.87%	10.30

Top 5 giảm mạnh nhất HOSE

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
DCL	26.60	-6.99%	0.00
STK	6.83	-6.95%	0.12
SMA	8.21	-6.92%	0.08
TNT	7.27	-6.91%	0.77
VID	3.91	-6.90%	0.00

Top 5 tăng mạnh nhất HNX

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
PVS	27.50	+10.00%	5.41
NAP	12.20	+9.91%	0.00
HAT	32.10	+9.56%	0.00
AME	7.00	+9.38%	0.00
VE3	13.00	+9.24%	0.00

Top 5 giảm mạnh nhất HNX

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
TV3	11.70	-10.00%	0.00
CAR	121.40	-9.94%	0.00
SEB	36.10	-9.75%	0.00
STC	11.20	-9.68%	0.00
VTV	7.60	-9.52%	0.00

Nguồn: FiinPro-X, Bloomberg, BSC tổng hợp; điểm đóng góp theo Bloomberg (MOV). Giá: nghìn VND.
Top tăng/giảm mạnh nhất chỉ xét các mã có giao dịch trong phiên.
Index pt: số điểm mà từng cổ phiếu đóng góp vào mức tăng/giảm của chỉ số trong phiên (dương là kéo chỉ số tăng, âm là kéo giảm).

Biểu đồ & dòng tiền

VN-Index 60 phiên

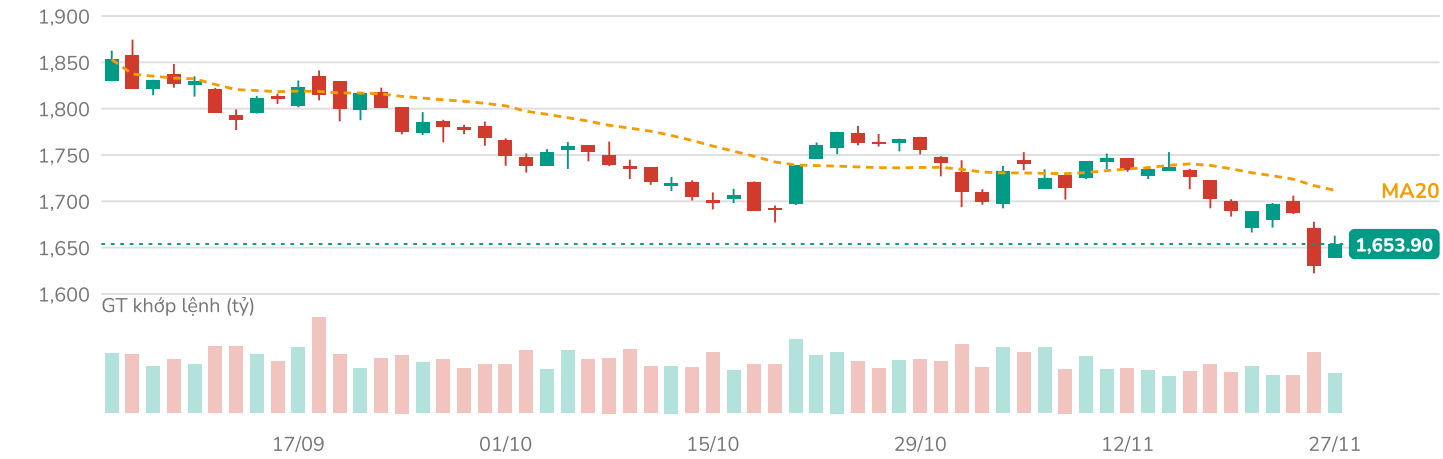

MA20 = 1,711.91 TB20 GT khớp lệnh: 11,486 tỷ

Diễn biến ngành cấp 2

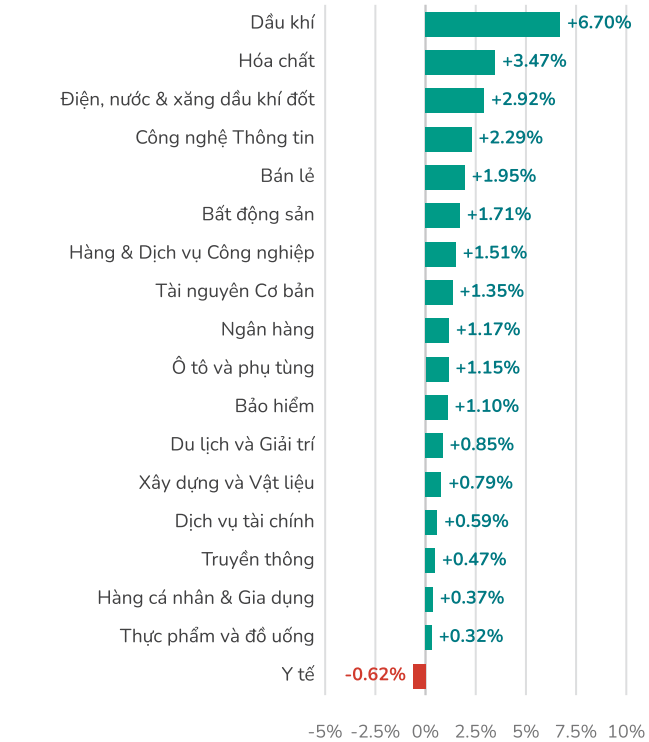

Dòng tiền theo ngành & nhóm vốn hoá

Bảng 1 · Theo ngành Top 10 theo giá trị khối ngoại ròng · tỷ VND

NGÀNH	%1D	GTGD	NN RÒNG
Công nghệ Thông tin	+2.29%	681	182.5
Ngân hàng	+1.17%	3,356	155.3
Bất động sản	+1.71%	1,593	128.8
Dầu khí	+6.70%	510	96.8
Tài nguyên Cơ bản	+1.35%	491	54.7
Xây dựng và Vật liệu	+0.79%	573	50.1
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	+2.92%	304	34.3
Bán lẻ	+1.95%	277	28.0
Dịch vụ tài chính	+0.59%	1,312	-63.6
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	+1.51%	918	-153.1

Bảng 2 · Theo nhóm vốn hoá VN30 · VNMID · VNSML · tỷ VND

NHÓM VỐN HOÁ	%1D	GTGD	NN RÒNG
VN30	+1.43%	5,327	583.5
VNMID	+1.14%	5,078	11.4
VNSML	+0.70%	604	10.5

Khối ngoại ròng HOSE 20 phiên (tỷ VND)

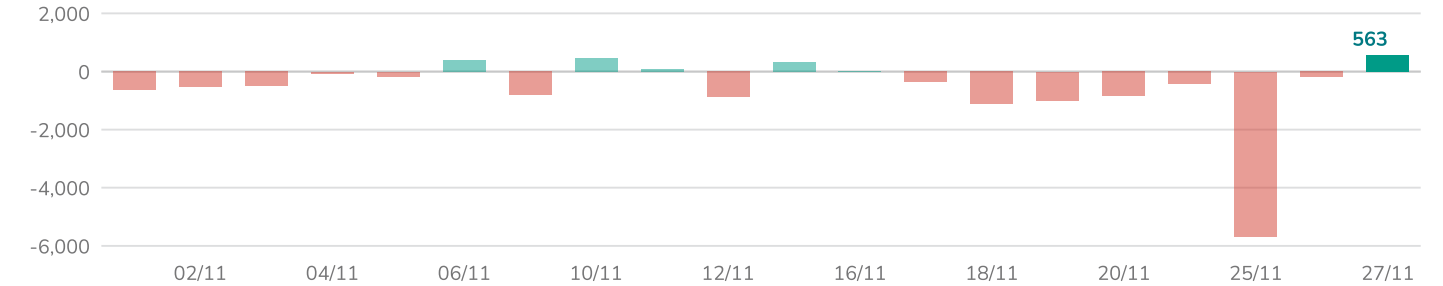

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Danh mục BSC30

Diễn biến BSC30, BSC50

- BSC30 **+1.32%**. Các mã diễn biến tích cực: PVS (+10.00%), BSR (+6.87%), DBC (+3.23%).
- BSC50 **+1.96%**. Các mã diễn biến tích cực: PVD (+6.77%), PVT (+6.70%), GAS (+6.62%).

HIỆU SUẤT	BSC30	BSC50	VN-INDEX	VN30
1 ngày	+1.32%	+1.96%	+1.49%	+1.43%
1 tuần	-1.82%	-2.67%	-2.07%	-1.86%
1 tháng	-5.24%	-4.38%	-5.04%	-5.47%
3 tháng	-10.08%	-9.96%	-9.73%	-11.57%

Nguồn: BSC, FiinPro-X.

Hiệu suất tích luỹ

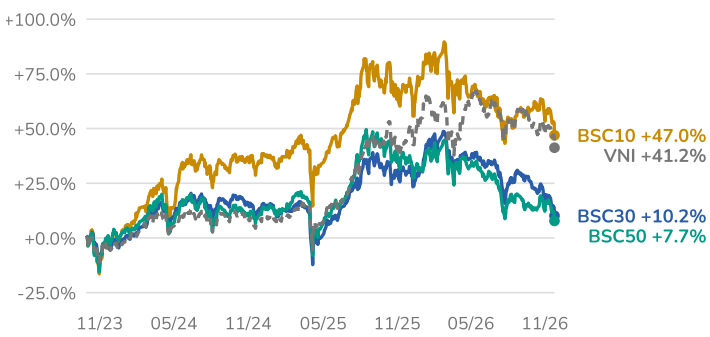

Nguồn: BSC, FiinPro-X.

MÃ	NGÀNH	GIÁ	%NGÀY	BETA	VỐN HOÁ	GTGD	EPS	P/E	GIÁ MT	NN SH	BC
MWG	Bán lẻ	68.8	+2.69%	1.1	101,528	173.5	7,556	9.1	113.0	49.0%	Link
KBC	Bất động sản	26.2	-0.38%	1.0	24,674	23.1	1,859	14.1	42.4	5.9%	Link
KDH	Bất động sản	14.0	0.00%	1.0	17,434	153.4	1,374	10.2	39.9	24.2%	Link
PDR	Bất động sản	11.0	+0.46%	1.0	10,976	55.0	540	20.4	28.2	6.8%	Link
VHM	Bất động sản	59.1	+0.17%	1.8	485,496	214.2	12,039	4.9	132.6	6.3%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	44.6	+2.53%	0.7	84,103	672.2	5,479	8.1	124.4	24.5%	Link
BSR	Dầu khí	24.1	+6.87%	–	120,676	241.6	5,584	4.3	–	1.3%	Link
PVS	Dầu khí	27.5	+10.00%	0.9	16,877	142.7	3,417	8.1	52.3	14.2%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	22.2	0.00%	0.9	30,526	117.1	1,048	21.2	–	34.4%	Link
SSI	Dịch vụ tài chính	18.9	0.00%	1.1	56,709	351.3	1,554	12.2	–	29.5%	Link
VCI	Dịch vụ tài chính	18.2	-1.36%	0.9	20,971	160.1	1,249	14.6	–	14.2%	Link
DCM	Hóa chất	30.4	+2.87%	0.9	16,120	37.6	5,132	5.9	53.3	7.5%	Link
DGC	Hóa chất	30.0	-0.33%	0.9	11,393	85.1	4,883	6.1	96.7	2.6%	Link
ACB	Ngân hàng	19.6	+0.26%	0.6	113,476	120.8	2,773	7.0	27.1	21.7%	Link
BID	Ngân hàng	29.4	+0.86%	1.0	228,291	157.9	4,524	6.5	–	17.2%	Link
CTG	Ngân hàng	29.5	+0.34%	0.9	229,125	228.8	5,479	5.4	53.5	24.5%	Link
HDB	Ngân hàng	21.4	0.00%	1.0	139,247	257.2	2,932	7.3	32.7	19.1%	Link
MBB	Ngân hàng	18.2	+2.82%	0.9	183,251	373.7	3,507	5.2	32.4	21.8%	Link
MSB	Ngân hàng	16.4	-0.30%	0.7	61,214	693.1	1,673	9.8	14.0	5.8%	Link
STB	Ngân hàng	68.9	+0.29%	0.5	129,891	106.9	809	85.2	–	9.9%	Link
TCB	Ngân hàng	20.1	+2.54%	1.0	214,182	192.1	2,694	7.5	43.5	20.7%	Link
TPB	Ngân hàng	12.1	+0.83%	0.9	38,601	75.7	2,649	4.6	–	21.8%	Link
VCB	Ngân hàng	49.2	+0.51%	0.7	411,099	150.2	4,990	9.9	–	19.7%	Link
VIB	Ngân hàng	13.1	+0.38%	0.7	48,747	44.0	2,070	6.3	23.0	4.1%	Link
VPB	Ngân hàng	20.1	+1.78%	1.0	200,500	314.6	3,118	6.4	36.5	22.2%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	16.0	+3.23%	0.7	6,897	21.5	2,348	6.8	28.8	1.4%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	68.9	+1.32%	0.9	100,620	163.2	6,243	11.0	100.4	25.4%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	52.5	-0.38%	0.5	109,723	81.5	5,455	9.6	78.0	49.7%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	19.9	+1.53%	0.8	168,015	343.2	3,251	6.1	32.2	21.8%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	10.0	+0.10%	0.8	8,073	26.9	772	12.9	14.3	3.0%	Link

Giá, giá mục tiêu: nghìn VND. Vốn hoá, GTGD: tỷ VND. NN SH: tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Nguồn: FiinPro-X, BSC. 30 mã.

Danh mục BSC30 gồm 30 công ty có vốn hoá và thanh khoản lớn nhất trên HOSE, HNX và UPCoM, được các chuyên gia BSC chọn lọc theo tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt. Danh mục được BSC công bố định kỳ hàng quý.

Danh mục BSC50

MÃ	NGÀNH	GIÁ	%NGÀY	BETA	VỐN HOÁ	GTGD	EPS	P/E	NN SH	ROE	BC
DGW	Bán lẻ	37.2	+2.90%	1.0	8,320	34.4	4,269	8.7	28.7%	26.7%	Link
FRT	Bán lẻ	146.0	+5.04%	0.8	26,107	56.5	7,598	19.2	33.9%	29.1%	Link
BVH	Bảo hiểm	54.7	+1.48%	0.9	40,605	39.1	4,560	12.0	27.6%	13.3%	Link
DIG	Bất động sản	9.5	+1.06%	0.9	8,020	64.0	776	12.2	2.9%	6.3%	Link
DXG	Bất động sản	10.4	+2.46%	0.9	13,188	78.1	92	113.5	16.0%	0.8%	Link
HDC	Bất động sản	11.2	0.00%	0.9	2,561	32.0	690	16.2	1.0%	6.6%	Link
IDC	Bất động sản	35.1	+3.24%	0.8	14,652	31.0	4,365	8.0	15.6%	26.8%	Link
NLG	Bất động sản	22.2	+1.60%	0.9	10,769	64.8	1,026	21.6	35.0%	3.8%	Link
SIP	Bất động sản	42.0	+0.48%	0.9	10,157	4.6	5,778	7.3	2.2%	27.1%	Link
SZC	Bất động sản	17.5	+0.57%	1.0	3,150	6.2	891	19.6	1.2%	5.1%	Link
TCH	Bất động sản	12.8	+4.08%	1.0	12,792	114.1	793	16.1	10.5%	6.8%	Link
VIC	Bất động sản	235.0	+2.17%	1.6	1,824,114	296.3	5,557	42.3	3.0%	26.1%	Link
VRE	Bất động sản	23.7	+2.82%	1.6	53,854	91.8	3,255	7.3	10.7%	14.9%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	16.1	+1.26%	0.9	3,750	5.2	1,687	9.5	35.0%	11.9%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	135.8	+1.27%	0.6	104,443	105.2	2,866	47.4	5.3%	8.5%	Link
PLX	Dầu khí	31.0	+6.16%	1.0	40,110	71.6	3,022	10.3	14.4%	14.6%	Link
PVD	Dầu khí	16.6	+6.77%	0.9	15,354	197.8	976	17.0	7.7%	5.3%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	17.7	0.00%	1.0	6,742	14.3	1,054	16.8	24.5%	9.0%	Link
MBS	Dịch vụ tài chính	14.6	+0.69%	1.1	14,614	32.9	1,562	9.3	0.3%	12.3%	Link
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.8	+1.08%	1.1	24,599	271.6	762	24.7	5.0%	5.2%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	49.5	+1.33%	0.8	32,142	352.6	4,184	11.8	37.3%	19.7%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	44.5	0.00%	0.6	8,537	9.9	6,594	6.8	3.5%	25.9%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	19.1	+6.70%	0.8	9,873	85.8	2,977	6.4	15.4%	16.6%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	40.1	+0.63%	0.7	8,106	36.0	2,174	18.5	3.9%	18.0%	Link
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	12.1	0.00%	1.0	6,192	83.1	3,302	3.7	23.6%	12.4%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	14.4	+3.96%	0.7	1,700	21.9	1,741	8.3	48.2%	8.4%	Link
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	15.7	+1.29%	0.7	2,021	12.3	3,692	4.2	22.2%	23.6%	Link
DPM	Hóa chất	18.0	+3.45%	0.8	12,239	39.6	2,320	7.8	3.1%	13.8%	Link
GVR	Hóa chất	27.7	+4.53%	1.5	110,800	20.8	2,111	13.1	0.5%	14.1%	Link
EIB	Ngân hàng	15.0	+1.69%	1.0	27,941	44.0	103	146.2	0.7%	0.7%	Link
LPB	Ngân hàng	33.5	+4.84%	0.8	100,223	70.5	4,048	8.3	1.4%	26.0%	Link
NAB	Ngân hàng	12.6	-0.79%	0.5	27,201	153.6	2,365	5.3	1.0%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	10.6	+1.44%	0.7	32,309	8.4	1,482	7.1	18.8%	12.8%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	15.1	+0.67%	1.0	4,007	8.4	2,961	5.1	1.6%	20.8%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	30.5	+2.01%	0.5	12,575	57.7	251	121.6	3.0%	2.2%	Link
SAB	Thực phẩm và đồ uống	43.6	-0.57%	0.5	55,920	35.5	3,623	12.0	58.9%	22.2%	Link
VHC	Thực phẩm và đồ uống	48.1	+0.21%	0.7	10,075	8.1	5,503	8.7	17.4%	12.8%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	11.6	+3.11%	0.7	5,711	45.4	494	23.5	5.9%	3.2%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	131.4	+0.23%	0.2	10,757	5.8	15,292	8.6	81.9%	41.4%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	69.5	+2.66%	0.8	7,772	27.4	7,145	9.7	49.9%	8.3%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	58.6	+2.99%	0.8	7,507	12.4	5,223	11.2	5.1%	30.5%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	30.3	+3.24%	0.8	3,593	11.9	3,735	8.1	18.5%	15.0%	Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	8.8	+0.23%	0.8	5,056	17.3	1,241	7.1	10.0%	6.1%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	16.5	+3.12%	0.6	7,804	22.8	2,352	7.0	8.0%	16.6%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	13.8	+0.73%	0.7	9,600	21.9	1,607	8.6	1.9%	9.7%	Link
VGC	Xây dựng và Vật liệu	37.0	+0.82%	0.9	16,611	6.9	4,003	9.3	0.8%	20.6%	Link
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	72.5	+6.62%	1.0	174,939	109.6	6,110	11.9	2.1%	21.2%	Link
HDG	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	15.8	-1.56%	0.8	6,410	36.5	1,999	7.9	16.4%	11.7%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.2	0.00%	0.8	40,496	99.2	2,353	5.6	5.7%	17.9%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	45.2	-0.77%	0.4	28,209	31.8	4,420	10.2	49.0%	12.8%	Link

Giá, giá mục tiêu: nghìn VND. Vốn hoá, GTGD: tỷ VND. NN SH: tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Nguồn: FiinPro-X, BSC. 50 mã.

Danh sách các báo cáo BSC đã phát hành gần đây

STT	TÊN BÁO CÁO	PHÂN TÍCH VĨ MÔ	PHÂN TÍCH NGÀNH	LINK BÁO CÁO
1	BSC Navigator | 11.2026: Cập nhật thông tin liên quan hoạt động cổ phần hóa thoái vốn DNNN giai đoạn 2026-2030	x		Xem
2	BSC Navigator | 10.2026: Hướng tới mục tiêu tăng trưởng GDP hơn 12% trong quý 4/2026	x		Xem
3	BSC Navigator | T09.2026: Việt Nam – Định hướng điều hành cuối năm	x		Xem
4	BSC Navigator | T08.2026: Việt Nam nằm trong 3 cuộc điều tra Section 301 năm 2026	x		Xem
5	BSC Insight | Market Waves – Hoạt động cổ phần hóa, thoái vốn Doanh nghiệp Nhà nước (Kỳ 4)	x		Xem
6	BSC Insight | Outlook H2/2026: Thích ứng nhanh chóng & Nắm bắt cơ hội	x		Xem
7	BSC Navigator | T07.2026: Cập nhật kỳ đánh giá phân loại thị trường của MSCI tháng 06/2026	x		Xem
8	BSC Navigator | T06.2026: Đánh giá tình hình nhập siêu 5T2026 của Việt Nam	x		Xem
9	BSC Navigator | T05.2026: Cập nhật thay đổi tài liệu FAQ v1.2 của FTSE	x		Xem
10	BSC Navigator | T04.2026: FTSE Russell xác nhận lộ trình nâng hạng TTCK Việt Nam	x		Xem
11	BSC Insight | FTSE Russell chính thức thông báo nâng hạng TTCK Việt Nam (Kỳ 4)	x		Xem
12	BSC Navigator | 2026: Cập nhật dự báo Vĩ mô – Thị trường trong bối cảnh căng thẳng leo thang tại Trung Đông	x		Xem
13	Equity 360 | BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC Q2.2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Xem
14	BSC Insight | Căng thẳng Hoa Kỳ - Israel và Iran	x		Xem
15	BSC Navigator | T03.2026: Căng thẳng Hoa Kỳ, Israel - Iran	x		Xem
16	BSC Navigator | T02.2026: Thí điểm sàn giao dịch carbon	x		Xem
17	BSC Navigator | 2026: Đường dài mới biết ngựa hay	x		Xem
18	Equity 360 | BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC 2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Xem
19	BSC Navigator | T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Xem
20	BSC Navigator | T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Xem
21	BSC Navigator | T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Xem
22	BSC Insight | Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Xem
23	BSC Navigator | T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Xem
24	BSC Navigator | T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Xem

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu - Quyền phụ trách
Buupq@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Nguyễn Thị Cẩm Tú
Trưởng nhóm
Ngành - Doanh nghiệp
Tuntc@bsc.com.vn

Đặng Trung
Trưởng nhóm
Định lượng
Trungd@bsc.com.vn

NHÓM VĨ MÔ THỊ TRƯỜNG

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 LPB Tower
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn

Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660 Khu vực miền Nam: (028) 38218 889 Website: http://www.bsc.com.vn